

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 12 - 2018
V/v “tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền

2. Ông Huỳnh Công Tuy

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B2, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B2, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Năm 1996 chị với anh Nguyễn Văn U chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Đến năm 2010 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LDD. Thời gian đầu anh chị sống với nhau hạnh phúc nhưng gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, thậm chí cHg chị còn đánh Chị. Hiện nay anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng không

ai quan tâm đến ai, cuộc sống không còn hạnh phúc. Do vậy, chị H yêu cầu được ly hôn với anh U.

Về con chung: Theo chị H trình bày thì anh chị có 03 người con chung là Nguyễn Ngọc G sinh năm 1997, Nguyễn Ngọc H sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Hg sinh ngày 23/11/2010. Hiện nay các con đang sống cùng chị, cháu G và H đều đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Hg còn nhỏ nên chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh U cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Văn U được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Theo xác định của chị H và chính quyền địa phương thì anh U đi làm từ sáng sớm và thường chiều tối mới về nhà nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai của anh U được.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Hg: Hiện nay Cháu đang sống với mẹ, có cuộc sống ổn định, bình thường. Nếu cha mẹ ly hôn thì Cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Riêng các cháu Nguyễn Ngọc G và Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành nên Tòa án không ghi nhận ý kiến.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn cố tình lẩn tránh, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H; giao cháu Nguyễn Ngọc Hg cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh U cấp dưỡng và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị không xem xét giải quyết. Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn U được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh U không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn U chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị H và anh U là tự nguyện và hợp pháp. Chị H xác định thời gian gần đây vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh U nhiều lần đánh chị và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung trong gia đình nhưng không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh U. Anh Nguyễn Văn U được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày của anh U.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh U, đại diện chính quyền tại địa phương xác định anh U thường xuyên nhậu và đánh vợ con, có nhiều lần địa phương đến can thiệp, hòa giải nhưng anh U vẫn không thay đổi.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H nhất quyết xin được ly hôn, cho dù Tòa không chấp nhận thì chị cũng không đồng ý tiếp tục chung sống với anh U.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Hg và cháu Hg cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Yêu cầu của chị Lê Thị H phù hợp với nguyện vọng của cháu Hg. Hơn nữa, hiện tại cháu Hg đang sống cùng chị H, có cuộc sống ổn định, cháu Hg được đi học và phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao cháu Hg cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp, nhằm đảm bảo sự ổn định về các mặt đời sống và tinh thần cho Cháu.

[4] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định Chị với anh U không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hg sinh ngày 23/11/2010 cho chị Lê Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011438 ngày 01/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm